

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ**

Số: 16 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đức Cơ, ngày 13 tháng 01 năm 2021

**BÁO CÁO
Rà soát lại số liệu các hộ thiếu đói
trong dịp Tết Nguyên đán và thời gian giáp hạt năm 2021**

Triển khai Công văn số 20/LĐTBOXH-BTXH ngày 06/01/2021 của Sở Lao động-TB&XH về việc rà soát lại số liệu các hộ thiếu đói trong dịp Tết Nguyên đán và thời gian giáp hạt năm 2021.

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Phòng Lao động-TB&XH, UBND các xã, thị trấn triển khai hợp rà soát lại số hộ cứu đói đã đề nghị tỉnh hỗ trợ theo đúng quy định tại Điều 12, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Kết quả như sau:

- Về thiếu đói trong dịp Tết Nguyên đán năm 2021: 465 hộ/1.780 khẩu. (Giảm 01 hộ và 02 khẩu so với Báo cáo số 790/BC-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện).

- Về thiếu đói trong thời gian giáp hạt đầu năm 2021: 235 hộ/1.096 khẩu (theo Báo cáo số 791/BC-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện).

(Có bảng tổng hợp kèm theo)

Trên đây là Báo cáo rà soát lại số liệu các hộ thiếu đói trong dịp Tết Nguyên đán và thời gian giáp hạt năm 2021 trên địa bàn huyện./. *yl*

Nơi nhận:

- Sở Lao động-TB&XH;
- Lãnh đạo UBND huyện; VP;
- Phòng Lao động-TB&XH;
- Lưu: VT-VP. *yl*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Siu Luynh

**BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THIẾU ĐÓI CỦA NHÂN DÂN
TRONG ĐỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN TÂN SỬU NĂM 2021 ĐỀ NGHỊ TỈNH CỨU TRỢ**
(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 13/01/2021 của UBND huyện)

Stt	Đơn vị	Tổng số hộ thiếu đói (hộ)			Tổng số khẩu thiếu đói (khẩu)			Ngân sách huyện cứu trợ				Số đề nghị Ngân sách tỉnh cứu trợ			
		Tổng số hộ	Kinh	DTTS	Tổng số khẩu	Kinh	DTTS	Số hộ (hộ)	Số khẩu (khẩu)	Số tháng cứu trợ	Số gạo cứu trợ (kg)	Số hộ (hộ)	Số khẩu (khẩu)	Số tháng cứu trợ	Số gạo cứu trợ (kg)
A	B	1=7+11	2	3	4=8+12	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Thị trấn Chư ty	20	10	10	52	20	32					20	52	1	780
2	Xã Ia Kriêng	36	0	36	175	0	175					36	175	1	2.625
3	Xã Ia Krêl	89	16	73	408	53	355					89	408	1	6.120
4	Xã Ia Din	27	12	15	68	25	43					27	68	1	1.020
5	Xã Ia Lang	45	1	44	216	5	211					45	216	1	3.240
6	Xã Ia Dok	57	0	57	236	0	236					57	236	1	3.540
7	Xã Ia Kla	79	28	51	244	79	165					79	244	1	3.660
8	Xã Ia Dom	28	12	16	56	23	33					28	56	1	840
9	Xã Ia Nan	47	18	29	163	40	123					47	163	1	2.445
10	Xã Ia Phôn	37	0	37	162	0	162					37	162	1	2.430
Tổng cộng		465	97	368	1.780	245	1.535	-	-	-	-	465	1.780		26.700

Giảm 01 hộ tại xã Ia Din (do trùng lặp số thứ tự); 02 khẩu tại xã Ia Krel do chết sau khi lập danh sách hỗ trợ;
Ghi chú: Mức cứu trợ đợt xuất: 15 kg gạo/khẩu/tháng; không quá 01 tháng



**BẢNG TỔNG HỢP DỰ KIẾN TÌNH HÌNH THIẾU ĐÓI CỦA NHÂN DÂN
TRONG THỜI GIẠN GIÁP HẠT ĐẦU NĂM 2021 ĐỀ NGHỊ TỈNH CỨU TRỢ**
(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 13/01/2021 của UBND huyện)

STT	Đơn vị	Tổng số hộ thiếu đói (hộ)			Tổng số khẩu thiếu đói (khẩu)			Ngân sách huyện cứu trợ				Đề nghị Ngân sách tỉnh cứu trợ			
		Tổng số hộ	Kinh	DTTS	Tổng số khẩu	Kinh	DTTS	Số hộ (hộ)	Số khẩu (khẩu)	Số tháng cứu trợ	Số gạo cứu trợ (kg)	Số hộ (hộ)	Số khẩu (khẩu)	Số tháng cứu trợ	Số gạo cứu trợ (kg)
A	B	1=7+11	2	3	4=8+12	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Thị trấn Chư ty	10	0	10	49	0	49					10	49	2	1.470
2	Xã Ia Kriêng	37	0	37	168	0	168					37	168	2	5.040
3	Xã Ia Kriel														
4	Xã Ia Din	39	8	31	166	35	131					39	166	2	4.980
5	Xã Ia Lang	41	1	40	180	2	178					41	180	2	5.400
6	Xã Ia Dok														
7	Xã Ia Kla	15	0	15	75	0	75					15	75	2	2.250
8	Xã Ia Dom	22	2	20	126	8	118					22	126	2	3.780
9	Xã Ia Nan	18	7	11	79	28	51					18	79	2	2.370
10	Xã Ia Phôn	53	0	53	253	0	253					53	253	2	7.590
Tổng cộng		235	18	217	1.096	73	1.023	-	-	-	-	235	1.096		32.880

Ghi chú: Mức cứu trợ đội xuất: 15 kg gạo/khẩu/tháng; không quá 03 tháng